TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **182**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 6 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Yến N, sinh năm 1986.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2005 chị N và anh D tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 27/12/2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 147/2005). Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hoàng H, sinh 17/11/2006 và Phạm Hoàng Đ, sinh 11/10/2008 (Các con hiện nay chị N đang nuôi dạy, cháu Đ bị bệnh không có khả năng lao động và không có tài sản để nuôi sống bản thân). Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được điểm chung trong cuộc sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị N xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị N yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời trình bày của anh D tại phiên tòa, thể hiện: Thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn anh D xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng do anh bị tai nạn xe suy giảm khả năng lao động, nên chị N không sống chung với anh D nữa. Về tài sản chung chị N đang quản lý hơn 100.000.000 đồng và sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng của anh D, về nợ chung không có.

Anh D thống nhất ly hôn với chị N. Về con chung đồng ý giao cho chị N tiếp tục nuôi dạy, anh D hiện nay không có khả năng lao động nên không cấp dưỡng cho các con. Về tài sản chung không yêu cầu xem xét trong vụ án này, trường hợp sau này không thỏa thuận được sẽ yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

- Tại đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 26/4/2023, thể hiện: Cháu Phạm Hoàng H có nguyện vọng được sống với chị N.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy thực tế hiện nay chị N và anh D không còn sống chung với nhau, đôi bên xác định không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung với nhau được nữa, chị N và anh D đều thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với nhau, nên có căn cứ xác định được chị N và anh D không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 147/2005 ngày 27/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Chị N và anh D thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Hoàng H có nguyện vọng được sống với chị N và cháu Phạm Hoàng Đ bị bệnh không có khả năng nhận thức và lao động được, hiện nay các cháu đang được chị N trực tiếp nuôi dạy, chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, cần giao cháu H và cháu Đ cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N; nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu và anh D không tự nguyện cấp dưỡng cho con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N, nên cần ghi nhận. Anh D không phải cấp dưỡng cho con.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N và anh D không yêu cầu trong vụ án, nên không xem xét.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị N đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Yến N.

- Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Yến N ly hôn với anh Phạm Minh D.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 147/2005 ngày 27/12/2005 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Trịnh Yến N trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Hoàng H, sinh 17/11/2006 và cháu Phạm Hoàng Đ, sinh 11/10/2008. Anh Phạm Minh D có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con mà không ai được cản trở, anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị N; nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Minh D không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Yến N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Trịnh Yến N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006456 ngày 30/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải